

Bản án số: 189/2020/DS-ST
Ngày 16-10-2020
V/v: “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sĩ Hùng

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 795/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ánh K (Có mặt)
Địa chỉ: 182A, đường X, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh C.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kh (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 300, đường L, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Trần Thị Ánh K - nguyên đơn trình bày: Vào ngày 14/12/2019 âm lịch bà có cho bà Nguyễn Thị Kh vay số tiền 50.000.000đ. Đến ngày 26/4/2020 âm lịch bà Kh tiếp tục vay thêm 50.000.000đ. Tổng hai khoản là 100.000.000đ, bà Kh hẹn đến ngày 26/5/2020 âm lịch thì thanh toán đủ nhưng đến nay vẫn không thanh toán cho bà được khoản nào. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Kh thanh toán cho bà 100.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kh đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Kh vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Kh theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 100.000.000đ phát sinh từ giao dịch tiền vay. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa bà K và bà Kh là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, tại các giấy biên nhận ngày 26/4/2020 âm lịch và giấy biên nhận ngày 14/12/2019 âm lịch (ngày 08/01/2020 dương lịch) đã thể hiện bà Nguyễn Thị Kh mượn (vay) tiền của bà K tổng cộng hai lần là 100.000.000đ. Ngoài ra, bản thân bà Kh đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bà không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong vụ án nên yêu cầu của bà K về việc buộc bà Kh trả số tiền nợ gốc đã vay 100.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Do nguyên đơn không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Kh phải chịu theo quy định pháp luật đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 227, 228, 357, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ánh K.

Buộc bà Nguyễn Thị Kh thanh toán cho bà Trần Thị Ánh K số tiền nợ vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Ánh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kh không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Kh phải nộp là 5.000.000đ (chưa nộp). Bà Trần Thị Ánh K không phải nộp, ngày 14/8/2020 bà K đã dự nộp số tiền 2.600.000đ theo biên lai số 0002305 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bà K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Kh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc